



**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

Địa chỉ: 515 - Đường Điện Biên Phủ - TP Hải Dương

Tel: 02203 852584 - Fax: 02203 853958

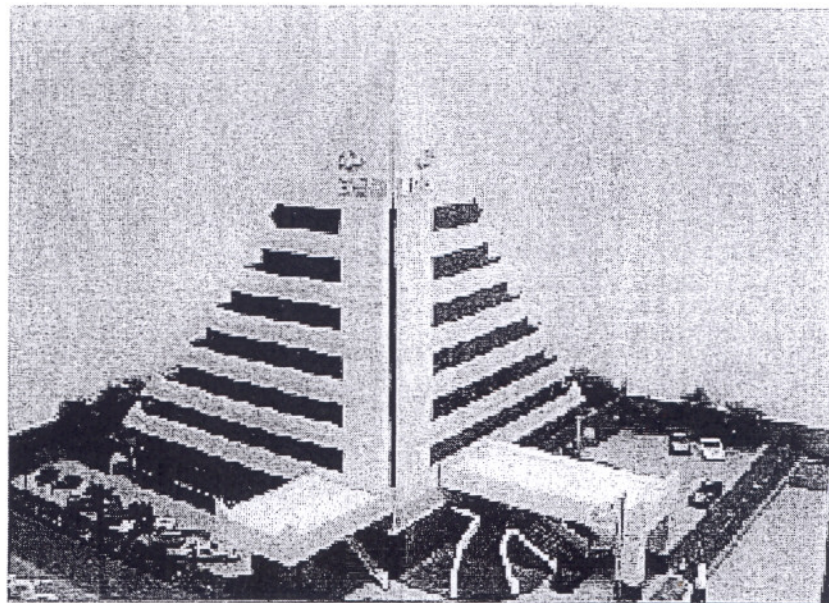
Email: Lilama69-3@lilama69-3.com.vn Website: www.lilama69-3.vn

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD, CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



HẢI DƯƠNG, THÁNG 4/2018

BÁO CÁO
“KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017,
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018”
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2017

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lilama 69-3.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

Kết quả thực hiện SXKD năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2017		Tỷ lệ %
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Giá trị SXKD	Triệu đồng	680.000	817.560	120,2
2	Doanh thu	"	510.000	701.252	137,5
3	Lợi nhuận trước thuế	"	5.200	1.816	34,9
4	Lợi nhuận sau thuế	"	4.160	1.451	34,9
5	Các khoản nộp ngân sách	"			
	- Số phải nộp	"	19.000	11.714	61,7
	- Số đã nộp	"		21.538	
	Trong đó: + Thuế VAT	"		18.137	
	+ Thuế TNDN	"		907	
	+ Thuế khác	"		2.494	
6	Lao động và tiền lương				
	- Lao động bình quân	Người	1.800	1.656	92,0
	- Thu nhập bình quân (1 người/tháng)	Triệu đồng	8,5	8,7	102,4
7	Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	1,02	0,26	
8	Đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.000	9.803	65,4
9	Cổ tức dự kiến	%	3	0	

1. Đánh giá SXKD:

* Về xây lắp và sản xuất công nghiệp:

- Năm 2017 Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế về gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các Dự án, công trình trong nước và xuất khẩu như: Dự án nhiệt điện Thái Bình II, Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn, Dự án xi măng Xuân Thành II (bao gồm cả trạm nghiền), Dự án than Núi Béo, Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1, Dự án YAMOTO Industries,... với giá trị SXKD thực hiện là 577 tỷ đồng, Doanh thu đạt 572 tỷ đồng. Trong đó Doanh thu một số công trình tiêu biểu thực hiện trong năm như:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017
1	Dự án xi măng Xuân Thành II	Triệu đồng	452.738
2	Dự án than Núi Béo	Triệu đồng	26.659
3	Dự án nhiệt điện Thái Bình 2	Triệu đồng	15.466
4	Trạm nghiền xi măng Xuân Thành	Triệu đồng	14.352
5	Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn	Triệu đồng	8.430

* Sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng:

- Duy trì công tác sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng cho các Nhà máy xi măng như: Nghi Sơn, Hoàng Thạch, Hải Phòng, ChinFon, Hạ Long,... với giá trị sửa chữa bao gồm cả vật tư A cấp là 242 tỷ đồng, Doanh thu đạt 131 tỷ đồng.

2. Công tác đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công năm 2017: 9,8 tỷ đồng.

Về công tác đầu tư của Công ty được thực hiện tiết kiệm phù hợp với tình hình SXKD, phát huy được hiệu quả sau đầu tư. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Công tác tiếp thị và thị trường:

Năm 2017 ngoài các hợp đồng chuyển tiếp của năm 2016 sang. Công ty đã tìm kiếm, ký kết các hợp đồng trong nước và xuất khẩu về gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị như: Dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, Công ty TNHH bơm EBARA Việt Nam, Dự án Andritz Oy xuất khẩu sang Thụy Điển, Dự án xuất khẩu Thyssen Krupp, TOYO,... với giá trị khoảng 228 tỷ đồng và thực hiện các hợp đồng về dịch vụ sửa chữa, bảo trì với giá trị doanh thu 131 tỷ đồng.

4. Công tác lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội:

• Công tác lao động, tiền lương:

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2017 là: 1.384 người

(gồm lao động trong danh sách: 1261 người và lao động mùa vụ là 123 người)

Trong đó: + Lao động gián tiếp: 273 người.

+ Lao động trực tiếp: 1.111 người.

- Năm 2017 Công ty đã tuyển dụng 116 người, làm thủ tục nghỉ chế độ hưu trí và chấm dứt HĐLĐ 324 người.

- Các chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi đối với người lao động được quan tâm, thực hiện đầy đủ theo quy định, thu nhập của người lao động tăng so với kế hoạch và thời gian trả kịp thời hơn, đảm bảo đời sống cho CBCNV yên tâm công tác.

• **Tình hình đăng ký bảo hiểm cho CBCNV:**

- Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, CBCNV vào làm việc được ký hợp đồng lao động và đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Thường xuyên giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động.

- Số tiền BHXH, BHYT, BHTN đã nộp của năm: 21,73 tỷ đồng.

- Đến nay Công ty đã nộp BHXH, BHYT, BHTN hết tháng 3/2018 là 5,2 tỷ đồng.

• **Công tác đào tạo:**

- Bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn và vệ sinh lao động: 181 người

- Nghiệp vụ bảo vệ: 4 người

- Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: 5 người

- Sát hạch cấp chứng chỉ hàn Fcaw, Smaw, Gmaw: 185 người

- Đào tạo nghiệp vụ quản trị nhân sự và tái cấu trúc doanh nghiệp tại Công ty: 150 người.

- Chứng chỉ bậc thợ, bồi dưỡng hành nghề: 66 người

5. Công tác quản lý tài chính:

Công tác quản lý tài chính được kiểm soát chặt chẽ, cập nhật đầy đủ, chính xác, minh bạch, hạch toán chi phí đúng theo quy định hiện hành, kết thúc năm tài chính được kiểm toán và công bố thông tin tài chính công khai đúng quy định.

• **Về tình hình nợ vay thực hiện đến 31/12/2017:**

Trong đó:

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ngân hàng : 318,7 tỷ đồng

+ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn ngân hàng : 36,2 tỷ đồng

• **Các khoản phải thu: 226,0 tỷ đồng**

- Phải thu ngắn hạn: 224,7 tỷ đồng

Trong đó:

+ Phải thu của khách hàng: 201,1 tỷ đồng

+ Phải thu theo tiến độ: 0 tỷ đồng

+ Các khoản phải thu khác: 23,6 tỷ đồng

- Phải thu dài hạn: 1,3 tỷ đồng

• **Chi phí tài chính năm 2017 là: 24,3 tỷ đồng**

6. Công tác thu hồi vốn:

Công tác thu hồi vốn năm 2017 có nhiều chuyển biến tích cực - số vốn thu đạt 758,8 tỷ đồng (bao gồm cả số tiền ứng trước của khách hàng), nhưng bên cạnh đó tình trạng nợ đọng của một số chủ đầu tư kéo dài, khó đòi dẫn đến tình hình tài chính vẫn gặp nhiều khó khăn (trong đó điển hình là Dự án xi măng Thanh Liêm là 42,2 tỷ đồng nợ đọng kéo dài từ năm 2012, Công ty xi măng Miền Trung 13,4 tỷ). Năm 2017 Công ty đã trích dự phòng phải thu khó đòi là 3,8 tỷ đồng, lũy kế đã trích là 9,28 tỷ đồng.

7. Đánh giá thuận lợi, khó khăn:

Năm 2017 nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mặt khác được sự quan tâm tạo điều kiện của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thuận lợi. Công ty đã ký kết được một số hợp đồng có giá trị lớn, đảm bảo được công ăn việc làm ổn định cho CBCNV. Mặt khác với sự đoàn kết, quyết tâm của toàn thể CBCNV đã giúp Công ty cơ bản hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2017 mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Các chế độ chính sách đối với nhà nước, người lao động đáp ứng đầy đủ, kịp thời, thu nhập của người lao động tăng. Mặc dù vậy Công ty vẫn còn rất nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề và một số doanh nghiệp nước ngoài như Trung Quốc,... rất khó khăn: đơn giá trúng thầu thấp, giá vật tư đầu vào biến động, phụ thuộc nhiều vào vật tư nhập khẩu của nước ngoài, chi phí tiền lương và các chế độ chính sách như BHXH,... cho người lao động tăng cao, nên hiệu quả SXKD bị ảnh hưởng.

- Một số công trình đã thi công hoàn thành, song việc thu hồi vốn chậm, chưa thực hiện được, còn kéo dài như: Xi măng Thanh Liêm, Xi măng Miền Trung,... Nguồn vốn chủ sở hữu còn hạn chế, công tác tăng vốn khó khăn, Công ty phải vay vốn vay ngân hàng lớn nên chi phí tài chính cao.

- Việc tuyển dụng lao động có chuyên môn, tay nghề khó khăn, công nhân mới ra trường kinh nghiệm và trình độ còn hạn chế dẫn tới năng suất chưa cao. Cơ cấu lao động chưa hợp lý, cần tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp.

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

Với các công trình đã ký Hợp đồng chuyển tiếp của năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực hiện có. Công ty cổ phần LILAMA 69-3 xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ %
1	Giá trị SXKD	Triệu đồng	817.560	730.000	89
2	Doanh thu	"	701.252	550.000	78
3	Lợi nhuận trước thuế	"	1.816	1.850	102
4	Lợi nhuận sau thuế	"	1.451	1.480	102
5	Các khoản nộp ngân sách	"	11.714	17.360	148
6	Lao động bình quân	Người	1.656	1.650	99,6
7	Thu nhập bình quân (1 người/tháng)	Triệu đồng	8,7	9,0	103
8	Đầu tư phát triển	Triệu đồng	9.803	15.000	153
9	Cổ tức	%	0	0	

❖ **Một số giải pháp:**

1. Duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có, mở rộng thị trường sửa chữa các nhà máy xi măng, thép,...

2. Tiếp tục khai thác, tìm kiếm mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước, tăng cường chế tạo thiết bị xuất khẩu. Nâng cao sức cạnh tranh và giữ vững mối quan hệ hợp tác tốt với các đối tác truyền thống, bám sát các chủ đầu tư để tham dự thầu, tìm kiếm việc làm.

3. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các dự án trọng điểm như: dự án nhiệt điện Thái Bình II, dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, dự án than Núi Béo,... đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.

4. Tăng cường công tác thu hồi vốn các công trình, dự án đã thi công xong để đảm bảo đủ vốn cho SXKD. Đẩy nhanh vòng quay của vốn, tiết kiệm tối đa các chi phí trong sản xuất và chi phí lãi vay.

5. Tuyển dụng bổ sung nhân sự, đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Khoán nhanh nhằm khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn, năng suất cao và gắn bó lâu dài với Công ty.

6. Khai thác sử dụng, phát huy tối đa năng lực nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị hiện có. Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị công nghệ có năng suất, chất lượng phù hợp với xu thế phát triển chung.

7. Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Công ty.

8. Chỉ đạo sửa đổi Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ theo quy định hiện hành và triển khai thực hiện đề án tái cấu trúc theo nội dung đã phê duyệt.

Trên đây là một số nội dung chính về “Kết quả thực hiện SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018” của Công ty CP LILAMA 69-3 xin được trình Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp và chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng Công ty lắp máy Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông để hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 cũng như các năm tiếp theo đạt kết quả tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KHĐT C.ty

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Viết Cường



LILAMA69-3,JSC

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA69-3**

Địa chỉ: 515 - Điện Biên Phủ - Thành phố hải Dương
Điện thoại: +84.220.3852584 * Fax: +84.2203.853958
Email: lilama69-3@lilama69-3.com.vn, Website: www.lilama69-3.com.vn

**BÁO CÁO CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 145/BCKT/TC của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam về kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần LILAMA 69-3;
- Căn cứ Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017.

Công ty cổ phần LILAMA 69-3 báo cáo công khai các chỉ tiêu tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

A. BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư 01/01/2017	Số dư 31/12/2017
I	Tài sản ngắn hạn	656.255.302.237	623.886.166.698
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	21.440.451.066	21.759.653.226
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.590.005.152	5.383.213.973
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	369.291.308.919	215.430.995.580
4	Hàng tồn kho	261.810.382.063	376.810.129.658
5	Tài sản ngắn hạn khác	123.155.037	4.502.174.261
II	Tài sản dài hạn	208.260.255.285	198.846.505.122
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.131.673.000	1.267.673.000
2	Tài sản cố định	191.168.690.603	184.913.835.019

	- Tài sản cố định hữu hình	165.406.423.936	151.810.633.739
	- Tài sản cố định vô hình	370.720.000	734.663.198
	- Tài sản cố định thuê tài chính	25.391.546.667	32.368.538.082
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn	6.312.365.199	2.003.903.736
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	9.647.526.483	10.661.093.367
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	864.515.557.522	822.732.671.820
III	Nợ phải trả	755.963.202.975	716.037.739.744
1	Nợ ngắn hạn	650.050.763.600	617.892.869.968
2	Nợ dài hạn	105.912.439.375	98.144.869.776
VI	Vốn chủ sở hữu	108.552.354.547	106.694.932.076
1	Vốn chủ sở hữu	107.203.921.209	105.695.690.390
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	77.696.910.000	77.696.910.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4.675.400.000	4.675.400.000
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.508.276.514	4.830.204.728
	- Quỹ Đầu tư phát triển	15.379.657.018	16.506.405.768
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.943.677.677	1.986.769.894
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.348.433.338	999.241.686
	- Nguồn kinh phí	1.059.100.000	123.100.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	289.333.338	876.141.686
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	864.515.557.522	822.732.671.820

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	577.005.896.678	700.959.929.660
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	577.005.896.678	700.959.929.660
4	Giá vốn hàng bán	523.868.892.060	650.942.233.073
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.137.004.618	50.017.696.587
6	Doanh thu hoạt động tài chính	749.910.004	292.515.171
7	Chi phí tài chính	22.757.839.097	24.340.208.356
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.485.973.477	24.521.246.045
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.643.102.048	1.448.757.357
11	Thu nhập khác	462.545.937	702.785.587
12	Chi phí khác	79.295.307	335.723.662
13	Lợi nhuận khác	383.250.630	367.061.925
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.026.352.678	1.815.819.282
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	807.070.536	364.454.717
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.219.282.142	1.451.364.565
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	331	187

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		24 %
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		76 %
2	Cơ cấu nguồn vốn	%	
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		87 %

	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		13 %
3	Khả năng thanh toán	Lần	
	- Khả năng thanh ngắn hạn		1,01
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,40
4	Tỷ suất lợi nhuận	%	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,18 %
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,21%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		1,37 %

PHẦN II

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

STT	Chỉ tiêu	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang		535.405.329	
2	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017			
2.1	Lợi nhuận trước thuế		1.815.819.282	
2.2	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		364.454.717	
2.3	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	2.3=2.1-2.2	1.451.364.565	
3	Phương án phân phối lợi nhuận 2017		943.386.966	
3.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	(2.3) x 35%	507.977.598	
3.2	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(2.3) x 10%	145.136.456	
3.3	Trích quỹ khen thưởng	(2.3) x 10%	145.136.456	
3.4	Trích quỹ phúc lợi	(2.3) x 10%	145.136.456	
4	Lợi nhuận còn lại (LNST-trích các quỹ)	4=1+2.3-3	1.043.382.928	
5	Chia cổ tức (0%)		0	
6	Lợi nhuận còn lại sau phân phối 2017	6=4-5	1.043.382.928	

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV.HĐQT/TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Cao Việt Cường